

(Đề chính thức)
Đề thi gồm 04 Trang

(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 01

Câu 1: Năng suất lao động của hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp chủ yếu là do:

- A. Môi trường biển bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản suy giảm
B. Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được yêu cầu
C. Việc chế biến thủy sản nâng cao chất lượng thương phẩm còn nhiều hạn chế
D. Tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt còn chậm đổi mới

Câu 2: Ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta vì:

- A. Nhu cầu về tài nguyên rừng rất lớn và phổ biến
B. Nước ta có 3/4 đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển
C. Độ che phủ rừng nước ta tương đối lớn và hiện đang gia tăng
D. Rừng giàu có về kinh tế và môi trường sinh thái

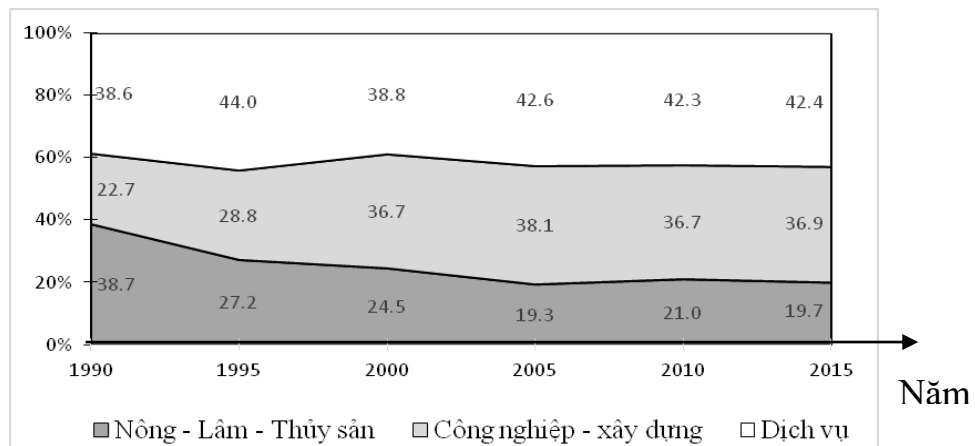
Câu 3: Hướng chuyên môn hóa của tuyến công nghiệp Đáp Cầu — Bắc Giang là:

- A. Vật liệu xây dựng và cơ khí
B. Hóa chất và vật liệu xây dựng
C. Cơ khí và luyện kim
D. Dệt may, xi măng và hóa chất

Câu 4: Đây là trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất ở duyên hải miền Trung

- A. Thanh Hóa B. Vinh C. Đà Nẵng D. Nha Trang

Câu 5 Cho biểu đồ:



Biểu đồ đã cho thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2015.
B. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2015.
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2015.
D. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2015.

Câu 6: Đây **không phải** là một đặc điểm quan trọng của các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay:

- A. Có thể mạnh lâu dài để phát triển
B. Đem lại hiệu quả kinh tế cao
C. Có tác động đến sự phát triển của các ngành khác
D. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm

Câu 7: Ngành công nghiệp nào sau đây **không phải** là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

- A. Công nghiệp cơ khí điện tử
B. Công nghiệp luyện kim đen, màu
C. Công nghiệp hóa chất — phân bón — cao su
D. Công nghiệp chế biến lương thực — thực phẩm

phẩm

Câu 8: Phần lãnh thổ có khí hậu lạnh về mùa đông ở Đông Nam thuộc

- A. Mi-an-ma và Việt Nam
- B. Phi-líp-pin và Đông Ti-mo
- C. Thái Lan và Lào
- D. Bắc Mi-an-ma và Bắc Việt Nam

Câu 9: Đây là đặc điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và miền Nam:

- A. Các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn
- B. Miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí
- C. Miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam nằm gần các thành phố
- D. Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn ở miền Nam

Câu 10: Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ở các đô thị lớn vì:

- A. Có lực lượng lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn
- B. Gần nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ
- C. Có lực lượng lao động dồi dào và gần nguồn nguyên liệu
- D. Có thị trường tiêu thụ lớn và đảm bảo kỹ thuật

Câu 11: Vùng công nghiệp sản xuất đường mía phát triển nhất nước ta là:

- A. Đông Nam Bộ
- B. Đồng Bằng sông Cửu Long
- C. Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 12: Tân Mai là tên nhà máy giấy lớn của tỉnh:

- A. Phú Thọ
- B. Đồng Nai
- C. Hà Tây
- D. Bình Dương

Câu 13: Căn cứ để xác định chiều rộng và giới hạn phạm vi của lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa là

- A. các đảo ven bờ.
- B. biên giới trên biển.
- C. đường cơ sở.
- D. bờ biển.

Câu 14: Đặc điểm nổi bật của địa hình đồng bằng Đông Âu là

- A. chủ yếu là đồi thấp và đầm lầy
- B. thấp và nhiều ô trũng ngập nước
- C. nhiều đầm lầy và vùng trũng thấp
- D. đồng bằng cao, xen lẫn nhiều đồi thấp

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết những vùng khí hậu nào sau đây có hoạt động của gió Tây khô nóng rõ rệt nhất?

- A. Tây Bắc Bộ và Tây Nguyên.
- B. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- C. Tây Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- D. Đông Bắc Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 16: Tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên giữa miền Bắc với miền Nam, giữa miền núi với đồng bằng, ven biển, hải đảo, hình thành các vùng tự nhiên khác nhau ở nước ta là do

- A. vị trí địa lí và đặc điểm địa hình.
- B. vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ.
- C. vị trí địa lí và hướng nghiêng chung của địa hình.
- D. vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Câu 17: Thảm thực vật ở nước ta bốn mùa xanh tốt, rất giàu sức sống, khác hẳn với thiên nhiên một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi do

- A. chịu ảnh hưởng của khối khí lạnh phương bắc.
- B. lãnh thổ hẹp ngang và giáp biển.
- C. giáp Biển Đông và nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa.
- D. khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới.

Câu 18: Nhận định nào sau đây **không đúng** khi nhận xét ảnh hưởng của gió mùa mùa đông đến chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Khiến cho nhiệt độ giảm dần từ Nam ra Bắc.
- B. Khiến cho nhiệt độ tăng dần từ Nam ra Bắc.
- C. Làm cho nền nhiệt độ của nước ta bị hạ thấp trong mùa đông.
- D. Làm cho chế độ nhiệt nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian.

Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu nào gây mưa vào mùa hè cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ nước ta?

- A. Sự xâm nhập trực tiếp của khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương.
- B. Hoạt động của gió mùa Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới.
- C. Sự tác động trực tiếp của gió mùa Tây Nam từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- D. Hoạt động của gió mùa Tây Nam cùng với hoạt động của bão.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết lưu vực sông Thu Bồn có lượng mưa trung bình năm phổ biến là bao nhiêu?

- A. 2400 – 2800 mm. B. Trên 2800 mm.
C. 1600 – 2000 mm. D. 2000 – 2400 mm.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết những khu địa lí động vật nào sau đây có voi sinh sống?

- A. Đông Bắc và Tây Bắc. B. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
C. Đông Bắc và Bắc Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết thảm thực vật và nhóm đất nào sau đây có ở vườn quốc gia Ba Bể và Phong Nha – Kẻ Bàng?

- A. Rừng kín thường xanh và đất pheralit.
B. Rừng thưa và núi đá.
C. Rừng trũng và đất phù sa.
D. Rừng trên núi đá vôi và đất pheralit

Câu 23: Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay:

- A. Tài nguyên rừng đang tiếp tục suy giảm cả về số lượng và chất lượng
B. Dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng rừng vẫn tiếp tục bị suy giảm
C. Tài nguyên rừng ở nước ta đang được phục hồi về số lượng và chất lượng
D. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh

Câu 24: Hậu quả lớn nhất của hạn hán là:

- A. Làm hạ mực nước ngầm
B. Cháy rừng
C. Thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt
D. Mất mùa

Câu 25: Đây là hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ:

- A. Sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm
B. Ngồi trong độ tuổi sinh đẻ lớn
C. Gánh nặng phụ thuộc lớn
D. Khó khăn trong việc hạ tỉ lệ gia tăng dân số

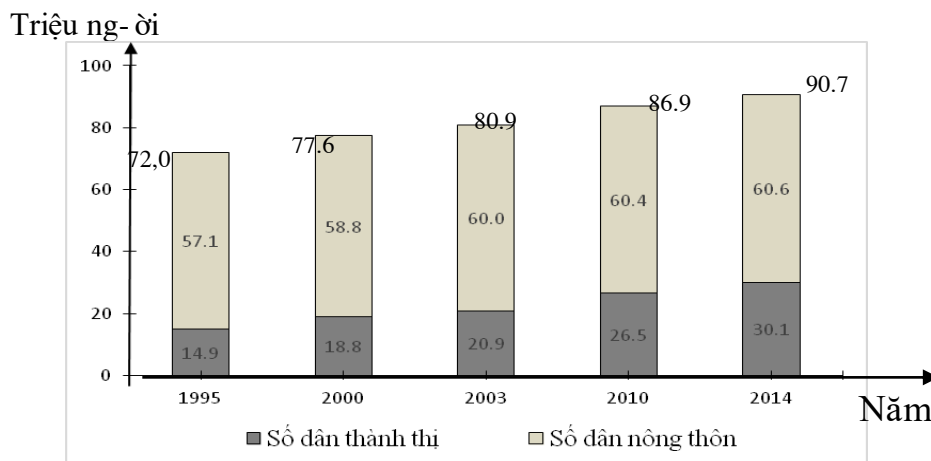
Câu 26: Hình dạng cân đối của lãnh thổ Hoa Kỳ ở phần đất trung tâm Bắc Mỹ thuận lợi cho

- A. Phân bố dân cư và khai thác khoáng sản
B. Phân bố sản xuất và phát triển giao thông
C. Khai thác tài nguyên và phát triển dịch vụ
D. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng hải cảng

Câu 27: Kiểu khí hậu cận nhiệt đới xuất hiện chủ yếu ở phần lãnh thổ nào của Liên Bang Nga

- A. Phía Tây B. Phía Bắc C. Phía Nam D. Vùng trung tâm

Câu 28: Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện dân số Việt Nam qua giai đoạn 1995-2014

Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là *không đúng* về dân số Việt Nam giai đoạn 1995 – 2014?

- A. Tổng số dân, số dân thành thị và số dân nông thôn nước ta có quy mô ngày càng lớn.
B. Số dân thành thị tăng nhiều hơn số dân nông thôn và tổng dân số dân.
C. Số dân thành thị tăng nhanh hơn số dân nông thôn và tổng dân số dân.
D. Số dân đô thị luôn nhỏ hơn số dân nông thôn nhưng tốc độ tăng lại nhanh hơn.

Câu 29: Khí hậu chủ yếu của Nhật Bản là

- A. Cận cực và ôn đới B. Cận nhiệt và ôn đới
C. Nhiệt đới và cận nhiệt D. Cận cực và cực

Câu 30: Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam trang 26 các tỉnh thuộc miền Trung Du và miền núi Bắc Bộ có mỏ đồng là:

- A. Thái Nguyên, Bắc Cạn, Phú Thọ
B. Cao Bằng, Hòa Bình, Tuyên Quang
C. Lai Châu, Lạng Sơn, Hà Giang
D. Lào Cai, Sơn La, Bắc Giang

Câu 31: Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam trang 22 cho biết trung tâm công nghiệp chế biến l-ong thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn.

- A. Hà Nội, Hải Phòng
B. Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh
C. Đà Nẵng, Nha Trang
D. Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa

Câu 32: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam trang 25 cho biết đi từ Bắc vào Nam theo biên giới Việt — Lào, ta đi qua lần l-ợt các cửa khẩu nào?

- A. Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang
B. Cầu Treo, Tân Thanh, Lao Bảo, Bờ Y
C. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y
D. Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang, Bờ Y

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, cho biết nhận định nào sau đây đúng về các đô thị và mật độ dân số tại các đô thị?

- A. Hà Nội, Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh là ba đô thị đặc biệt, có mật độ dân số trên 2000 người/km².
B. Hà Nội, Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh, mỗi đô thị đều có quy mô dân số trên 1 triệu người và mật độ dân số là 2000 người/km².
C. Hà Nội, Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh, mỗi đô thị đều có quy mô dân số trên 1 triệu người và mật độ dân số trên 2000 người/km².
D. Hà Nội, Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh là ba đô thị loại 1, có mật độ dân số là 2000 người/km².

Câu 34: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản l-ợng lúa của n-ớc ta giai đoạn 2005 — 2014

Năm	2005	2009	2011	2014
Diện tích (Nghìn ha)	7329	7437	7655	7816
Sản l-ợng (Nghìn tấn)	35832	30950	42398	44974

Để thể hiện tình hình phát triển của diện tích và sản l-ợng lúa n-ớc ta giai đoạn 2005 — 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp
B. Biểu đồ miền
C. Biểu đồ cột
D. Biểu đồ tròn

Câu 35: Đồng bằng ở Trung Quốc được tạo nên bởi sông Hoàng Hà là

- A. Hoa Bắc
B. Đông Bắc
C. Hoa Trung
D. Hoa Nam

Câu 36: Vụ Đông đã trở thành vụ chính của vùng:

- A. Đồng bằng sông Hồng
B. Bắc Trung Bộ
C. Duyên hải Nam Trung bộ
D. Đông Nam Bộ

Câu 37: Ở Tây Nguyên chè được trồng nhiều nhất ở:

- A. Kon Tum
B. Gia Lai
C. Đắk Lắk
D. Lâm Đồng

Câu 38: Các nước trong khu vực (trừ Lào) đều giáp biển, tạo thuận lợi để phát triển

- A. Giao thông vận tải biển
B. Khai thác khoáng sản biển
C. Du lịch biển
D. Tổng hợp kinh tế biển

Câu 39: Vùng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là:

- A. Đồng Bằng sông Cửu Long
B. Tây Nguyên
C. Duyên hải Nam Trung Bộ
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 40: Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là?

- A. Kênh rạch
B. Đầm phá
C. Ao hồ
D. Sông suối

.....Hết

Thí sinh đọc phép sử dụng Atlas địa lý Việt Nam do nhà xuất bản giáo dục phát hành từ năm 2009 đến nay

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ ký của thí sinh: